TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST
Ngày: 18-8-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo

Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh năm 1994, tại Bình Dương; nơi thường trú: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị A; tiền sự: không;

Tiền án: năm 2014, bị TAND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2014/HS-ST ngày 26/11/2014, chấp hành án phí ngày 06/01/2015, chấp hành hình phạt xong ngày 25/12/2015, chưa bồi thường dân sự.

Nhân thân: năm 2022, bị TAND thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 16 tháng, theo Quyết định số 19/2022/QĐ-TA ngày 08/02/2022, chấp hành xong ngày 03/5/2023.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/3/2025 sau đó tạm giam đến nay (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Số B Công an Thành phố H); (có mặt)

- *Bị hại*: bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1971; nơi cư trú: khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Công M1; địa chỉ: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

3. Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ F, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Người làm chứng:* ông Nguyễn Thanh H1 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị A có mối quan hệ là mẹ con ruột, cùng cư trú tại khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).. Trong khoảng thời gian từ ngày 20/3/2025 đến ngày 25/3/2025, M đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 13 giờ 20 phút ngày 20/3/2025, do không có tiền tiêu xài nên M này sinh ý định lấy trộm tủ lạnh của mẹ ruột là bà A đem đi bán. Thực hiện ý định lợi dụng lúc bà A đi làm, nhà không có người nên M đi bộ đến cửa hàng Đ1 thuộc khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp ông Trần Công M1 làm chủ cửa hàng Đ1. Tại đây M1 nói với ông Trần Công M1 có tủ lạnh cần bán thì ông Trần Công M1 trả lời mua thì phải kiểm tra tủ lạnh. Ông Trần Công M1 cho nhân viên Nguyễn Thanh H1 đến nhà bà A để kiểm tra. Sau khi kiểm tra ông H1 thông báo cho M1 biết giá mua 01 tủ lạnh hiệu Toshiba 233 lít khoảng 2.200.000 đồng thì M1 đồng ý. H1 điều khiển xe mô tô chở 01 tủ lạnh hiệu Toshiba 233 lít về cửa hàng Đ1 giao cho ông Trần Công M1. M1 đón xe grap đến gặp ông Trần Công M1 nhận số tiền 2.200.000 đồng.

Vụ thứ 2: khoảng 11 giờ ngày 25/3/2025, do không có tiền tiêu xài nên M1 tiếp tục nảy sinh ý định lấy trộm điện thoại của bà A, lợi dụng sơ hở lúc bà A đang nằm trên võng trong nhà nghỉ ngơi và đặt điện thoại dưới nền nhà không để ý nên M1 đã lén lấy 01 điện thoại Redmi 13 màu xanh của bà A bỏ vào túi quần bên phải đang mặc. Sau đó, M1 đi đến tiệm C thuộc khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) gặp ông Trịnh Văn H cầm cố với giá 1.700.000 đồng. Sau khi cầm cố điện thoại, M1 về nhà đưa

hợp đồng cầm cố cho bà A. Đến ngày 26/3/2025, bà A làm đơn trình báo việc Nguyễn Văn M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Công an phường T mời M về trụ sở làm việc, qua làm việc M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Công an phường T tạm giữ đồ vật liên quan gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13 (do Trịnh Văn H giao nộp); 01 tủ lạnh hiệu Toshiba 233 lít (do Trần Công M1 giao nộp). Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương đã xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để tiếp tục điều tra xác minh theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTS ngày 31/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố T xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13 trị giá 2.600.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba 233 lít trị giá 3.900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba 233 lít, ngày 02/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra quyết định xử lý vật chứng số 1330/QĐ- VPCQCSĐT trả lại tài sản nêu trên cho bà Nguyễn Thị A, bà A đã nhận tài sản và không yêu cầu gì khác. Ông Trần Công M1, ông Trịnh Văn H không có yêu cầu gì đối với Nguyễn Văn M.

Tại bản Cáo trạng số 162/CT-VKSTU ngày 16 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức hình phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận. Trong phần lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái và chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã

thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai tại cơ quan điều tra, kết luận định giá, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 20 và 25/3/2025, tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 13 trị giá 2.600.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Toshiba 233 lít trị giá 3.900.000 đồng của bà Nguyễn Thị A. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, tham lam nên đã cố ý phạm tội. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tài sản đã thu hồi giao trả cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị xét xử năm 2014 nhưng chưa được xoá án tích mà lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, nhận thấy chỉ vì sự tư lợi, tham lam, để có tiền sử dụng, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là mẹ ruột của bị cáo. Bị cáo đã bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản, sau khi chấp hành án xong bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường, bất chấp pháp luật. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/3/2025.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Trung

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.